

QUẢN DOANH
BIÊN - KHẢO

ĐỘN BỐC Thần Toán

BÓI TIÊN - BÓI DỊCH
VÀ ĐỘN QUÝ - CỐC

NHÀ XUẤT BẢN DÀ NẴNG

BIÊN KHẢO THEO PHƯƠNG PHÁP RẤT GIẢN DỊ
ĐỂ AI CŨNG CÓ THỂ HIỂU ĐƯỢC

**QUẢN-DOANH
BIÊN-KHẢO**

**ĐỘN-BỐC
THẦN-TOÁN
BÓI-TIÊN BÓI DỊCH
VÀ ĐỘN QUÝ-CỐC**

**DẪN GIẢI THEO PHƯƠNG PHÁP RẤT GIẢN DỊ
ĐỂ AI CÙNG CÓ THỂ HIỂU ĐƯỢC**

PHI LỘ

Về Dịch-học (Độn toán) của các nhà học-thuật cổ phương Đông, có nhiều môn rất ly kỳ, tiên-tri được cả số-mệnh, và hơn nữa, tiên-tri được cả Đại-Cục.

Cụ Trạng-Trình, Nguyễn-Bình-Khiêm đã nghiên cứu bộ Thái-Ất-Thần-Kinh rồi để lại bao nhiêu lời tiên-tri, cùng sấm ký rất lạ lùng và linh-nghiệm.

Với những việc "biết cách bức" ấy ngày nay có người cho là huyền-hoặc vô-lý; nhưng nếu ta chịu đi sâu vào các môn ấy, và chiêm-nghiệm nhiều, thì chắc cũng không còn hoài-nghi nữa.

Đức Thánh Khổng-Tử, khi tuổi đã già còn nói: "Giá cho ta thêm được mấy năm nữa để ta học Dịch cho chọn vẹn, thì khả dĩ không có điều làm lớn."

Tuy vậy Ngài cũng đã thu thập các sách vở cũ, soạn ra bộ Kinh-Dịch rất có giá trị. Chỉ suy dịch- lý mà biết được sự cấu- tạo của muôn vật và độ số biến-chuyển của vũ-trụ.

Sách có câu: "Dịch vi quân-tử mưu, bất vi tiểu nhân mưu" (1) đủ biết Ngài cho môn dịch có giá-trị là nhường nào.

Kinh thư cũng nói: "Nhữ tắc hữu đại nghi, mưu cập nãi tâm, mưu cập khanh-sỹ, mưu cập thử nhân, mưu cập bốc-phệ, (1)" như vậy tỏ ra cổ-nhân cũng thận trọng lắm. Không phải bạ lực nào cũng bói toán đâu, trừ khi có việc lớn, khó giải-quyết, mới xem đến bốc-phệ.

Thời xưa, các triều vua, thường dùng Quan Thái-Bốc, tinh thông Độn-Toán, để giúp nhà vua trong các việc về nội trị, ngoại giao v.v...

Môn này thuộc về tâm-học, phải công phu suy nghĩ, mất nhiều

thì giờ lắm, mới thấu triệt nổi, cho nên ít mấy ai học được đến chỗ tinh vi.

Ngày nay có một số người, mới học truyền-khẩu được ít câu, đã vội dùng môn này làm cần câu gạo, do đó làm mất ảnh hưởng nhiều về các môn Độn-Toán của các bậc tiền-bối tiền-tri.

Một phần nữa, nho-học cũng mỗi ngày một cạn, cho nên có khi còn sách mà không thể hiểu được. Nay còn giữ được ít sách vở cổ-truyền, chúng tôi xin lạm dịch ra, để cùng các quý độc-giả, cùng nghiên cứu chút ít về Độn-Toán. Và để biết qua môn học ly kỳ của các nhà học-thuật cổ phương Đông.

Viết tại Xuân-Cầu mùa hè Năm Nhâm-Thìn 1952

SOẠN GIẢ CẦN ĐỀ

(1) Đạo Dịch chỉ để mưu cho người quân-tử, chứ không mưu cho kẻ tiểu-nhân.

(1) Khi nhà vua có việc ngờ lớn, thì phải tự bụng suy nghĩ cho kỹ, rồi bàn với khanh sỹ, hỏi những thứ nhân, hỏi đến bốc-phệ.

A - BÓI TIÊN

"Tức là bói xuất hành"

Môn bói-tiên này, chỉ căn-cứ vào ngày giờ lúc ra đi, cho nên cũng gọi là bói xuất-hành.

Môn này là của Tiên-nhân bí truyền, phép xem thực là đơn giản, chỉ lấy ngày giờ lúc ra đi là thành quẻ ngay, không phải tính toán khó khăn gì cả.

Chưa từng có phép bói nào đoán dự như vậy, mà cũng được nhiều việc, nhất là xem về việc mất của, thì thật là lạ lùng, lời đoán tự như là hồ-danh ra vậy.

Bói Tiên tất cả có 12 quẻ như sau:

Quẻ	Câu-chận	thuộc	thổ:	xấu
"	Dần-xà	"	thổ:	xấu
"	Chụ-tước	"	hỏa:	xấu
"	Bạch-hổ	"	kim:	tốt
"	Thái-thường	"	thổ:	tốt
"	Thái-âm	"	kim:	tốt
"	Thiên-không	"	hỏa :	xấu
"	Huyền-vũ	"	thủy :	xấu
"	Thiên-hậu	"	thủy :	tốt
"	Quý nhân	"	thổ :	tốt
"	Thanh-long	"	mộc:	tốt
"	Lục-hợp	"	mộc:	tốt

CÁCH TÍNH QUÊ

(Lập thành) căn cứ vào thập nhị chi của ngày, giờ là thành quê (1).

Ngày Tý	Giờ Tý	là quê	Câu-chận
"	Sửu	"	Đang-sà
"	Dần	"	Chu-tước
"	Mão	"	Bạch-hổ
"	Thìn	"	Thái-thường
"	Ty	"	Thái-âm
"	Ngọ	"	Thiên-không
"	Mùi	"	Huyền-vũ
"	Thân	"	Thiên-hậu
"	Dậu	"	Quý-nhân
"	Tuất	"	Thanh-long
"	Hợi	"	Lục-hợp
Ngày Sửu	Giờ Tý	là quê	Lục-hợp
"	Sửu	"	Câu-chận
"	Dần	"	Đang-sà
"	Mão	"	Chu-tước
"	Thìn	"	Bạch-hổ
Ngày Sửu	Giờ Ty	là quê	Thái-thường
"	Ngọ	"	Thái-âm
"	Mùi	"	Thiên-không
"	Thân	"	Huyền-vũ
"	Dậu	"	Thiên-hậu
"	Tuất	"	Quý-nhân
"	Hợi	"	Thanh-long

1) CHÚ GIẢI: Muốn biết ngày gì (Tý hay Sửu V.V.) thì phải xem lịch, các lịch Tây phần nhiều cũng chưa rõ cả. Còn giờ thì cứ lấy giờ Tý là đúng nửa đêm ; giữa giờ Ngọ là đúng giữa trưa (tròn bóng), cứ hai giờ đồng hồ là một giờ của hàng CHI, theo đúng như vậy mà tính thì không sai.

Ngày Dần	Giờ Tý	là quẻ	Thanh-long
"	Sửu	"	Lục-hợp
"	Dần	"	Câu-chận
"	Mão	"	Đằng-sà
"	Thìn	"	Chu-tước
"	Tý	"	Bạch-hổ
"	Ngọ	"	Thái-thường
"	Mùi	"	Thái-âm
"	Thân	"	Thiên-không
"	Dậu	"	Huyền-vũ
"	Tuất	"	Thiên-hậu
"	Hợi	"	Quý-nhân
Ngày Mão	Giờ Tý	là quẻ	Quý-nhân
"	Sửu	"	Thanh-long
"	Dần	"	Lục-hợp
"	Mão	"	Câu-chận
"	Thìn	"	Đằng-sà
Ngày Mão	Giờ Tý	là quẻ	Chu-tước
"	Ngọ	"	Bạch-hổ
"	Mùi	"	Thái-thường
"	Thân	"	Thái-âm
"	Dậu	"	Thiên-không
"	Tuất	"	Huyền-vũ
"	Hợi	"	Thiên-hậu
Ngày Thìn	Giờ Tý	là quẻ	Thiên-hậu
"	Sửu	"	Quý-nhân
"	Dần	"	Thanh-long
"	Mão	"	Lục-hợp
"	Thìn	"	Câu-chận
"	Tý	"	Đằng-sà

	Ngo		Chu-tước
	Mùi		Bạch-hổ
	Thân		Thái-thường
	Đậu		Thái-âm
	Tuất		Thiên-không
	Hợi		Huyền-vũ
Ngày Tý	Giờ Tý	là quẻ	Huyền-vũ
	Sửu		Thiên-hậu
	Dần		Quý-nhân
Ngày Tý	Giờ Mão	là quẻ	Thanh-long
	Thìn		Lục-hợp
	Tỵ		Câu-chận
	Ngo		Đằng-sà
	Mùi		Chu-tước
	Thân		Bạch-hổ
	Đậu		Thái-thường
	Tuất		Thái-âm
	Hợi		Thiên-không
Ngày Ngọ	Giờ Tý	là quẻ	Thiên-không
	Sửu		Huyền-vũ
	Dần		Thiên-hậu
	Mão		Quý-nhân
	Thìn		Thanh-long
	Tỵ		Lục-hợp
	Ngo		Câu-chận
	Mùi		Đằng-sà
	Thân		Chu-tước
	Đậu		Bạch-hổ
	Tuất		Thái-thường
	Hợi		Thái-âm

Ngày Mùi	Giờ Tý	là quẻ	Thái-âm
"	Sửu	"	Thiên-không
"	Dần	"	Huyền-vũ
Ngày Mùi	Giờ Mão	là quẻ	Thiên-hậu
"	Thìn	"	Quý-nhân
"	Tỵ	"	Thanh-kong
"	Ngọ	"	Lục-hợp
"	Mùi	"	Câu-chận
"	Thân	"	Dương-sà
"	Dậu	"	Chu-tước
"	Tuất	"	Bạch-hổ
"	Hợi	"	Thái-thường
Ngày Thân	Giờ Tý	là quẻ	Thái-thường
"	Sửu	"	Thái-âm
"	Dần	"	Thiên-không
"	Mão	"	Huyền-vũ
"	Thìn	"	Thiên-hậu
"	Tỵ	"	Quý-nhân
"	Ngọ	"	Thanh-kong
"	Mùi	"	Lục-hợp
"	Thân	"	Câu-chận
"	Dậu	"	Dương-sà
"	Tuất	"	Chu-tước
"	Hợi	"	Bạch-hổ
Ngày Dậu	Giờ Tý	là quẻ	Bạch-hổ
"	Sửu	"	Thái-thường
"	Dần	"	Thái-âm
Ngày Dậu	Giờ Mão	là quẻ	Thiên-không
"	Thìn	"	Huyền-vũ
"	Tỵ	"	Thiên-hậu

"	Ngo	"	Quý-nhân
"	Mùi	"	Thanh-long
"	Thân	"	Lục-hợp
"	Dậu	"	Câu-chân
"	Tuất	"	Đẳng-sà
"	Hợi	"	Chu-tước
Ngày Tuất	Giờ Tý	là quẻ	Chu-tước
"	Sửu	"	Bạch-hổ
"	Dần	"	Thái-thường
"	Mão	"	Thái-âm
"	Thìn	"	Thiên-không
"	Tỵ	"	Huyền-vũ
"	Ngo	"	Thiên-hậu
"	Mùi	"	Quý-nhân
"	Thân	"	Thanh-long
"	Dậu	"	Lục-hợp
"	Tuất	"	Câu-chân
"	Hợi	"	Đẳng-sà
Ngày Hợi	Giờ Tý	là quẻ	Đẳng-sà
"	Sửu	"	Chu-tước
"	Dần	"	Bạch-hổ
Ngày Hợi	Giờ Mão	là quẻ	Thái-thường
"	Thìn	"	Thái-âm
"	Tỵ	"	Thiên-không
"	Ngo	"	Huyền-vũ
"	Mùi	"	Thiên-hậu
"	Thân	"	Quý-nhân
"	Dậu	"	Thanh-long
"	Tuất	"	Lục-hợp
"	Hợi	"	Câu-chân

CÁC BÀI ĐOÁN CỦA 12 QUÊ

Quẻ Câu-chân Thước Thỏ' → Xâu

Ra đi phòng gặp quân gian, cầu cạnh việc gì thì không được tốt, có lỗi thì có tội, cầu công danh không thành, cầu tài không lợi, hôn nhân không hợp, tìm người không thấy, săn bắn không may, đau yếu thêm nặng.

Nếu mất của thì người con trai lấy, dấu ở bên dưới gốc cây, về phương tây-bắc, biết vậy thôi tìm cũng không ra.

Quẻ Đẳng-sà Thỏ' → Xâu

Ra đi gặp sự sấu, việc hay thành việc dở, quan sự không thành, cầu tài bất lợi, hôn nhân chẳng hợp, săn bắn không nên, yếu đau bệnh nặng.

Nếu bằng mất của, thì người con trai lấy, dấu ở bên dưới chỗ có nước, về phương tây-bắc, nhưng xa không tìm thấy được.

Quẻ Chu-tước Hổ' → Xâu

Ra đi vất vả, trước dù may mắn sau cũng uống công, tranh cạnh không nên, cầu tài bất lợi, hôn nhân chẳng hợp, quan sự chẳng hay, kiếm ăn không lợi, yếu đau bệnh nặng.

Nếu mất của thì người con gái lấy, nó đã đi xa, đi tìm vô ích.

Quẻ Bạch-hổ Kim → Tật

Ra đi gặp ăn uống, công việc được vui mừng, quan sự cũng hay, cầu tài có lợi, nếu phải tìm người, thì người sẽ về, làm ăn lợi lạc, hôn nhân hợp hòa, ốm nặng không chết.

Nếu mất của thì người con gái lấy, nó dấu ở vườn, đi tìm thì được.

Quẻ Thái-thường Thỏ' → Tật

Ra đi được vui vẻ, gặp việc tốt lành, cầu quan làm nên, cầu tài ắt có, hôn nhân hòa hợp, nhà cửa bình an, tìm người thì thấy, người đi thì về, ốm đau không chết.

Nếu mất của thì người con gái trong họ lấy, dấu ở gốc cây quanh nhà, chịu tìm thì ra.

Quẻ Thái-âm $Kim \rightarrow T\ddot{o}T$

Ra đi có lợi, biến xấu thành hay, việc quan cũng nên, hôn nhân cũng hợp, người tù thoát nạn, kẻ đi chắc về, làm ăn có lợi, bệnh tật không lo. Nhược bằng mất của, hai đứa con trai, đủ nhau mà lấy, nó để ở góc nhà phương tây, chịu khó mà tìm thì thấy.

Quẻ Thiên-không $H\ddot{o}n \rightarrow X\ddot{a}n$

Ra đi gặp đại hung, việc quan tất không song cầu tài ắt không lợi, hôn-nhân ắt chẳng thành, tìm người không gặp, yếu đau bệnh nặng.

Nếu bằng mất của, nó dấu ở góc phương tây, chịu tìm thì thấy.

Quẻ Huyền-vũ $Th\ddot{u}y \rightarrow X\ddot{a}n$

Ra đi rất xấu, muôn việc không thành, cầu quan chẳng nên, cầu tài bất lợi, hôn nhân chẳng hợp, không phải tìm người, người đi chẳng về, yếu đau bệnh nặng.

Nếu mất của thì người con gái lấy nó dấu ở chỗ bên trên có nước, chỉ lợi trong nhà mình chịu tìm thì ra.

Quẻ Thiên-Hậu $Th\ddot{u}y \rightarrow T\ddot{o}T$

Ra đi gặp quý nhân, lại gặp việc ăn uống, có sự mừng vui, việc quan cũng hay, tìm người cũng gặp, cầu tài có lợi, cầu hôn cũng thành, việc làm lợi lạc, người bệnh được yên.

Nếu mất của thì người đàn ông lấy, nó dấu ở gần gốc cây quanh nhà, tìm ngay thì thấy, để lâu thì mất.

Quẻ Quý-nhân $T\ddot{h}o' \rightarrow T\ddot{o}T$

Ra đi gặp trà chén, hôn nhân được hài lòng, việc quan được may mắn, cầu tài có lợi to, người đi thì về, tìm người thì thấy, việc làm tấn tới, ốm không sợ chết.

Nếu mất của là người con gái trong nhà mình lấy, nó để ở số vườn về phương Bắc, tìm đến thì thấy ngay.

Quẻ Thanh-long

Mộc → Tà T

Ra đi gặp người thất đãi, việc dở thành việc hay cầu tài có lợi, cầu quan cũng nên, việc làm cũng khó, người đi thì về, người ốm không lo.

Nếu mất của thì đứa con gái trẻ tuổi lấy, dấu ở phương Đông, tìm ngay thì thấy.

Quẻ Lục-hợp

Mộc → Tà T

Ra đi rất tốt, mọi việc hợp hòa, hôn nhân đắc ý, cầu tài có lợi, quan tước cũng hay, tìm người cũng thấy, duy việc ốm đau và kiện cáo gặp quẻ lục-hợp thì xấu, bệnh tật khó yên và tụng sự thì càng thêm lời thôi phiền phức.

Ngày Tý mất của người con trai lấy, hình người tầm thước. Không nhớn không nhỏ, xem về phương Tây rồi lại mang sang phương Bắc, của ấy còn gần, tìm ngay thì thấy.

Ngày Sửu mất của, thì người con trai lấy, dấu ở phương Tây, kịp tìm bắt được.

Hình dáng nó to lớn, mạnh khỏe mà lại không béo, mặt đỏ, da đen, tóc ngắn.

Ngày Dần mất của, nó dấu ở dưới đất phương Bắc, tìm ngay thì thấy, hình dáng nó to lớn, tóc ngắn, không thấp không cao, màu da ngăm ngăm, không đen không trắng.

Ngày Mão mất của, thì người con trai lấy, nó để ở dưới gốc cây, không sâu không nông, hình dáng nó đen, mặt đỏ, tóc ngắn, sau nó lại đem để ở gần giếng phương Đông-Bắc, nó dè hờn đá tìm lâu mới ra, hoặc có người mách bảo.

Ngày Thìn, mất của, hình dáng nó mặt xanh gầy yếu, dong dỏng cao, tóc xanh lại ngắn, màu da đỏ tía.

Ngày Tỵ mất của, nội người trong nhà lấy, nó dấu ở gốc cây về phương-tây. Thấy động nó bỏ sau nó lại lấy mang về phương Đông-Nam gần nhà, tìm thì thấy, hình người nó tầm thước chung bình, tóc ngắn, mặt mũi gầy gò.

Ngày Ngọ mất của, là người con gái con gái thông minh, xinh đẹp, hòa người ăn trộm, nó để ở phương Đông, sau lại nương về đảng Tây-Bắc. Nếu tìm thấy chỉ hạn trong bảy ngày, quá hạn ấy tìm cũng không ra.

Hình dáng nó da mặt đỏ, mặt chẳng vuông mà cũng chẳng chòn, đúng là người ấy lấy vậy.

Ngày Mùi mất của, đứa con gái lớn đầu ở phương Tây-Nam, nghe người nói nó lại đem hân về phương Nam, tìm tòi rất khó, hình dáng mặt đỏ, tóc hung.

Ngày Thân mất của, người con trai lấy, đầu về phương Tây, đi tìm lại thấy, hình dáng nó mặt chẳng tóc ngắn, mồm miệng béo kẻo là đích hân vậy.

Ngày Dậu mất của, người con lấy chộm, để ở phương Nam hay Bắc, gần nước, hình dáng nó chẳng trắng chẳng đen, vừa phải người, không cao không thấp, mặt to, da đỏ, tóc ngắn, chính người ấy lấy, tìm kỹ thì ra.

Ngày Tuất mất của, người con gái lấy, nó lại sui người con trai lấy thêm, đầu ở phương Bắc, tìm kỹ thì ra.

Ngày Hợi mất của, đứa con trai con gái, đồng tình bảo nhau cùng lấy, đem về phương Tây-Bắc, đầu chỗ gần nước, tìm thì thấy, hình dáng nó người nhỏ, mặt vàng không đen, không chẳng, chỉ nội trong đám người thân nhân đó thôi.

B - BÓI - DỊCH

(Gồm có chín quẻ của Bà Cửu-Thiên-Huyền-Nữ)

Ngày xưa ông Lã-Đồng-Tân là người Tiên, đi chơi gặp ông Ngũ-Viên Tử-Tư, nhờ xem một quẻ bói, Tiên-Ông cũng dùng phép bói này mà xem cho ông Tư, nhờ quẻ bói ấy mà ông Tư đã chạy được từ nước Sở sang nước Ngô để thoát thân, chánh được tai nạn.

Còn các người thường xem, thì các việc cũng đều được linh ứng cả.

Sau lại có ông Phạm-Lãi gặp tai nạn, bị ngờ là tư thông với giặc, nhà vua định hại ông, cũng nhờ phép bói này, mà ông đã biết trước, tránh khỏi tai nạn bằng cách rời bỏ tất cả quẻ hương sử sở, công danh sự nghiệp, chỉ mang theo một người vợ, đi dạo chơi ngủ-hồ tu luyện, cũng được thoát thân.

Môn bói này xem thấu được cả việc to việc nhỏ, từ cao đến thấp, và khắp cả trong bàn dân thiên-hạ.

Cách tính cũng dễ dàng, như ta ở giữa đường, hay ở chốn sơn lâm, thì ta chỉ lấy nắm cỏ, nắm lá, hoặc lấy nắm que, nắm sỏi, bất cứ nhiều ít, chỉ một thứ thôi, khấn đức tiên hiền rồi chia vật ấy ra cầm làm hai tay trước đếm bên tay trái, xem được bao nhiêu trừ ba đi mãi, còn lẻ mấy để lên trên gọi là quẻ thượng.

Rồi lại đếm bên tay phải, cũng lại trừ ba đi như trên, còn bao nhiêu đặt xuống dưới, gọi là quẻ hạ, cứ như thế mà xem thời không sai lầm tí nào cả.

BÀI KHẤN (1)

Sửa 6 miếng trầu cau, và 24 đồng tiền, thấp hương lên rồi khấn rằng:

Tôi phục-vọng Đức Cửu-Thiên-Huyền-Nữ thánh-hiền Lã-Đồng-Tân tiên-ông, Ngũ-Viên-Tử-Tư, Tổng-Thành-tiên-sinh, mọi đức tiên nhân giáng lâm quẻ bói, bảo cho tôi biết, điều hay

(1) Nếu không có trầu cau và tiền, hương, thì cứ thành tâm khấn cũng được.

điều giờ, việc tốt việc xấu, hoặc là họa phúc sinh tử, chỉ bảo mình bực.

Kinh khẩn.

Khẩn song giao hương cho chủ-nhân vái giới đất 4 phương. Đoạn chủ-nhân cầm lấy vật liệu, nắm que hay nắm sỏi ấy, chỉ một thứ thôi, chia làm hai tay, rồi trừ ba đi như trên đã nói, tính thành quẻ sẽ biết cái hung.

BÀI ĐOÁN CỦA CHÍN QUẺ BÓI

Quẻ thứ nhất 1 —

Tay trái lẻ một, tay phải lẻ một, gọi là quẻ Đại-tượng, (-) tay phải (I) tay trái chiếu rất tốt. Đau yếu chóng khỏi. Đoán rằng : giấy sán giấy bìm, mọc ở trong hang, dưới chân hòn đá, quanh quần thẳng ngang, trước thời cùng quần, sau được lộc nhiều, Bạc Đế - Vương xem gặp quẻ này trị yên nhà nước, chư hầu xem được quẻ này, như được ngọc-quí, thường dân xem được quẻ này, phong đăng hòa cốc. Tật bệnh được khỏi người đi chóng về, công danh được tốt. Tụng sự thì hòa, quẻ này rất bình-yên, không lo không ngờ, cầu sao được vậy, tức là chiếu Đại-cát vậy.

Quẻ thứ hai 1 =

Tay trái lẻ một, tay phải lẻ hai, gọi là quẻ chùng-quan . (I =)

Nửa tốt nửa xấu, đoán rằng : đường xá sa sỏi, đi lại vất vả, phải dừ lấy mình, chơi bởi vô ích, ở cho thuần hòa, tật bệnh lâu khỏi, người đi chưa về. Mơu cầu rất khó, tựa như mong mưa mà không có mây chỉ nên tu thân làm thiện, thì sau này cũng được hân-hoan, cầu hôn khó hợp, tụng sự không hòa, buôn bán không lợi, làm bạn không thân, mất của tìm khó, cầu lợi bất lợi, kiếm chác về không, trước xấu sau tốt, một ngày một thân, làm phúc được nhiều, thánh thần cũng hộ

Quẻ thứ ba $I \equiv$ *Rất độc*

Tay trái một, tay phải ba, là quẻ huyền-nhai. ($I \equiv$)

Quẻ này rất xấu, rất độc.

Đoán rằng : có nhiều tai nạn, xoay sở khó nên, gặp buổi bi vận, dữ dằn lấy thân, đi bộ phòng hiểm trở, đi thủy sợ đắm thuyền, người trên không ưa kẻ dưới cũng ghét, yếu đau bệnh nặng. Kiện cáo bất toàn, hôn nhân bất hợp, vợ chồng bất hòa, cầu quan không được, sang sông không thuyền, người đi về chậm, lo lắng vô duyên, mắt của không thấy, lưng chịu oan khiên.

Quẻ thứ tư $II -$

Tay trái hai, tay phải một, là quẻ Hồng-dục. ($=I$)

Chiệu Đạt-cát.

Đoán rằng : Chuyên sự làm lành, quý thần phù hộ, chăm đường hiếu thảo, việc gì cũng nên, người quân tử có lộc, người thường nhân có tài, yếu đau được khỏi, người đi chóng về, mưa hòa gió thuận, không phải lo chi, không phải nghĩ ngợi, không lo chậm trễ, lại được phúc lành, hôn nhân thỏa thuận sơ cầu như ý, vui vẻ tưng bừng, có điều lý sự.

Quẻ thứ năm $II \equiv$

Tay trái còn hai, tay phải còn hai, là quẻ lão-quân ($II \equiv$) cũng là chiệu tốt.

Đoán rằng ; mây quang tỏ mặt trời, điềm lành có phúc lộc cầu quan hẳn được, cầu hôn hẳn thành, người đi chóng về, người bệnh chóng khỏi, quân tử có lộc, thường nhân vô tai, tranh tụng hòa mục, tới sở tìm vào, mất trộm bắt được quân dân, sinh sản con trai quý, buôn bán đắt hàng, chơi bởi có lợi, nếu học hành đi thi được đỗ khoa cao, xem gặp quẻ này, mọi sự đều tốt.

Quẻ thứ sáu $II \equiv$

Tay trái hai, tay phải ba, là quẻ long-phi ($=III$) Đại-cát đoán rằng : quẻ gọi bông-lai, là quẻ phi thường, cười rồ cười hạc, bay liệng trên không giới đất hòa hợp, âm dương thỏa thường, cầu

quan tối đẹp, gặp được quân vượng, buôn bán đắc lợi. Vạn sự đều hay; ngư long hội hợp, người đi chồng về. Quân tử vững trãi, thường nhân khang cường, mất của lại thấy, kiện cáo không lo, xem được quẻ này, việc gì cũng tốt.

Quẻ thứ bảy III =

Tay trái còn ba, tay phải còn một là quẻ Thái-hiệu

III - Triệu tới, đoán rằng : Thần-nữ hát xướng, đại hạn gặp mưa to, người quân-tử có phúc đến, kẻ thường nhân cũng có tiền, làm ăn mọi việc, vui vẻ xướng ca, yếu đau chóng khỏi, người đi về nhà, hôn nhân phối-hợp, thỏa nguyện hai nhà, cầu gì cũng thuận, được đẹp lòng ta, tụng- sự ra nhẹ, xem được quẻ này, hoàn toàn tốt đẹp, các việc không sai.

Quẻ thứ tám III =

Rất xấu

Tay trái còn ba, tay phải còn hai là quẻ Khấu - thiệt, III = rất xấu, đoán rằng : Ăn nói thế nào, vợ chồng nghi hoặc, nhụt chí bằng ra đi, đường xá trở chướng, nhiều lời dèm pha, xấu nhà hồ nước, quân-tử xem gặp quẻ này, thì mất quan-lộc, thường nhân xem gặp quẻ này, thiệt thòi gạo thóc, người đi không về, ốm đau khốc lóc, mất của không thấy, kiện cáo hãn thua, dần dần cạn giải, lao tâm sợ hãi.

Quẻ thứ chín III =

Tay trái còn ba, tay phải cũng ba, là quẻ Tượng-Vân, III = Đại-Cát.

Đoán rằng : sự tốt điềm lành, đem đến cho mình, cầu gì được ấy; việc dễ mang đi, mọi sự như ý, một ngày một hay, quân-tử tới lộc; thường nhân có tài, nhà thịnh nước giàu, an thân lợi lộc, việc kiện thắng lý, hôn nhân kết thân, bệnh tật qua khỏi, người đi chồng về, cầu tài được lợi, muốn việc thỏa lòng, nghìn việc đều tốt, ta nên xướng ca, xem được quẻ này, tinh thần thanh sảng.

C - ĐỘN QUỶ CỐC

"Tức là lục-nhâm tấu-mã của Quỷ-Cốc Tiên-Sinh"

Mẩu chuyện về Quỷ-Cốc Tiên-Sinh.

Đời ông Đường-Thái-Tông bên Tàu, thành Quỷ-cốc ra đời làm nghề độn bói, tình cờ một hôm có một người mặc quần áo xanh đến xem quẻ, người ấy nói rằng :

- Thầy xem được những việc gì ? Có thể biết được thông-thiên triệt địa không ?

Quỷ-cốc trả lời: biết lắm chứ ! Ngày nào, giờ nào như thế nào ? Từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới, bao giờ tôi cũng hiểu cả.

Người áo xanh xin thầy tính một quẻ độn, có ý trêu ghẹo :

- Thầy đã nói là biết cả, thì ngày mai như thế nào ?

Quỷ-cốc nói : mai mưa ba thước nước, lại có đám mây trắng bay từ bên đông sang bên tây, rồi tạnh. Người áo xanh đoán rằng :

- Nếu quả như lời, tôi xin giả quẻ nghìn vàng, trái lại, không đúng, thì thầy đoán lại như sao ?

Quỷ-cốc nói : nếu không đúng như lời độn-giáp của tôi, thì tôi xin chịu mất đầu.

Song quẻ, khách đi đằng khách, chủ về đằng chủ, ngay nửa đêm ấy, trên thiên-đỉnh cho sứ mang sớ xuống đ. n thủy-cung, bảo Long-vương làm mưa ba thước nước, và một đám mây trắng từ phương đông bay sang phương tây rồi tạnh.

Chính người áo xanh ấy là Long-vương, thấy sớ đặt mình kinh hoàng, nghĩ bụng :

- Thầy Quỷ-cốc giỏi thực, biết rõ cả việc thiên-cơ, bỗng dưng ngày mai ta mất nghìn vàng, ầu là ta làm mưa rút đi năm tấc nước, để sai quẻ bói, ta khỏi phải trả tiền, mà thầy Quỷ-cốc phải chịu khổ với ta, nghĩ vậy rồi thi hành ngay.

Song việc liền lên hoành thầy Quỷ-cốc:

— Ông bầm đòn đã sai, tội mượn ông cái đầu, mảy thì đúng mà mưa thì sai, ông có chịu tội không?

Quý-cốc nói : Ông mất đầu đến nơi không biết lại còn dọa người, tôi bảo cho ông hay, ông đã trái mệnh giới. Tướng Ngụy-Trung sắp xuống chém đầu Thanh-long tức là chém đầu ông đó. Ông chờ nhiều lời. Thanh-y cả sợ liền phục xuống đất lạy mà van nài : Chính tôi là Thanh-long, Đệ-tử đã phạm tội phụ-hoàng, và khích phạm đến tôn ông, nay đã hối tâm, nhờ thầy giải cứu.

Quý-cốc nói : Tội ông không thể cứu được. Án đã thành rồi, chỉ còn phép này may ra thì thoát. Ông Thái-Tông nhà Đường là chân-mệnh Thiên-tử, ông Ngụy-Trung là tể tướng, tức là thầy trò đó, nay thượng-đế sai Ngụy-Trung xuống hại ông, chỉ có Đường-thái-Tông giữ Ngụy-Trung lại thì may ra có thể cứu gỡ.

Đoạn Thanh-y biến ra một người sĩ-quan, xin vào yết kiến Đường-thái-Tông, nói rõ đầu đuôi việc mình cải hối.

Đường-thái-Tông cảm tình đem lòng bênh vực chiếu ngay Ngụy-Trung đến điện kiến, chủ ý giữ Ngụy-Trung trong điện-cung, hoặc ăn uống, hoặc chơi bời, hay giải quyết công việc. Giờ ngọ ngày hôm ấy Ngụy-Trung đang đánh cờ với vua Thái-Tông xin cáo lui không được, vì người trên kèm hãm... Sau Ngụy-Trung chỉ ngủ gật trong mấy phút ở bậu cửa, lúc tỉnh vẫn đánh cờ như thường.

Thấy thanh bội-kiếm của Ngụy-Trung có vết máu, Đường-thái-Tông than rằng :thế là Ngụy-Trung đã giết mất Thanh-Long rồi.

Từ đấy Thanh-Long cứ báo hại nhà Đường mãi mãi...

PHÉP TÍNH ĐỘN QUỶ CỐC

Phải nhớ thập nhị chi theo địa bàn ở bàn tay (1).
Để biết tháng nào thì khởi từ cung nào (2).

Bài thơ lập thành

Chinh, cửu tâm ngư (3), ngũ nguyệt kê (4) Nhị bát, tỵ thượng,
tam thất, chư (5). Tử, lục tuất cung, thập nhất mao, Thập nguyệt
thập nhị, dân cung dư.

Giải nghĩa : cửu tháng giêng, tháng chín thì tính bắt đầu từ cung
sửu, (ngư), tháng năm thì cung dậu, (kê), tháng hai, tháng tám
thì tính từ cung tỵ, tháng ba, tháng bảy, tính từ cung hội (chư),
tháng tư, tháng sáu, tính từ cung tuất, tháng mười một tính từ cung
mao, tháng mười và tháng mười hai thì tính từ cung dân.

Cách tính

(Theo các cung trên bàn tay"

CHÚ Ý: Trên tháng thì khởi ngày, trên ngày thì khởi giờ, rồi
lùi lại một cung khởi Thiên-cương (6)

"Đều tính thuận hành cả"

Tất cả có 10 vị sao

Thiên-Cương, Thái-Âi, Thảng-quang, Tiểu-cát, Xuyên-tổng,
Tông-khôi, Hà-khôi, Đăng-minh, Thần-hậu, Đại-cát.

Nhật định: lấy tam-thần lâm tứ-tướng làm quẻ. (7)

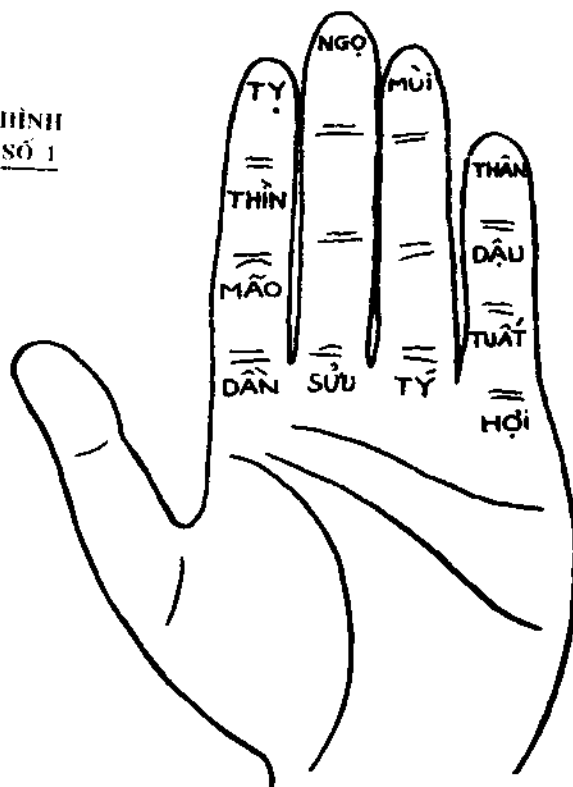
Tam-thần là : đăng-minh, thần-hậu, đại-cát, (thuộc khách
ngoại).

Tứ-tướng là : 4 cung : tỵ, ngọ, mao, dậu, (thuộc về chủ nội).

(1) xem hình số 2. (2) xem hình số 2. (3) ngư là cung sửu. (4) kê là
cung dậu (5) chư là cung hội.

(6) coi hình số 3. - (7) coi hình số 4

**HÌNH
SỐ 1**



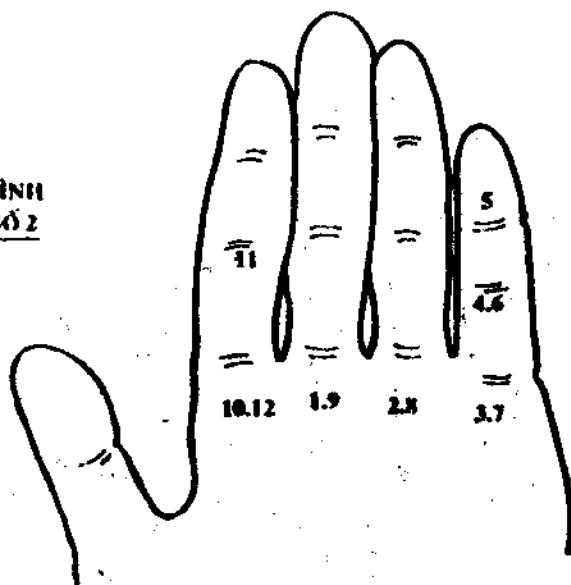
Chỉ cho biết các cung địa-bàn nhất định

THÍ DỤ SỐ 1: tính một quẻ, tháng 6 ngày mùng 5, giờ mao.

Bài thơ trên đầu có câu : tứ, lục tuất cung. Nghĩa là tháng 4 tháng 6 thì bắt đầu tính từ cung tuất (xem hình số 2), thế là khởi từ cung tuất tính tháng giêng, đi thuận mỗi cung một tháng, đến tháng 6 thì vừa đến cung mao, trên tháng khởi ngày, vậy phải tính mùng một chồng lên cung mao, cũng đi thuận, mỗi ngày một cung, ngày mùng 5 thì vừa đến cung mùi. Trên ngày khởi giờ, tự cung mùi lại tính giờ tý thuận đến giờ mao là ở cung tuất tính lui lại một cung khởi thiên-cương.

Tức là thiên-cương ở cung dậu (tính thuận mỗi cung một sao.)
 Rồi đến thái-ất, thăng-quang, tiểu cát, chuyển-tống, tòng-khôi,
 hà-khôi, đăng-minh (thần hậu, đại-cát; đến đại-cát mới lâm tướng,
 (cung ngọ) gọi là quẻ đại-cát lâm ngọ, tra tìm quẻ đại-cát lâm ngọ
 sẽ thấy lời giải-đoán. (1)

**HÌNH
SỐ 2**



**Để biết tháng mấy thì tính tự cung nào.
 Chữ số ở cung là chỉ tháng.**

(1) coi hình số 3.

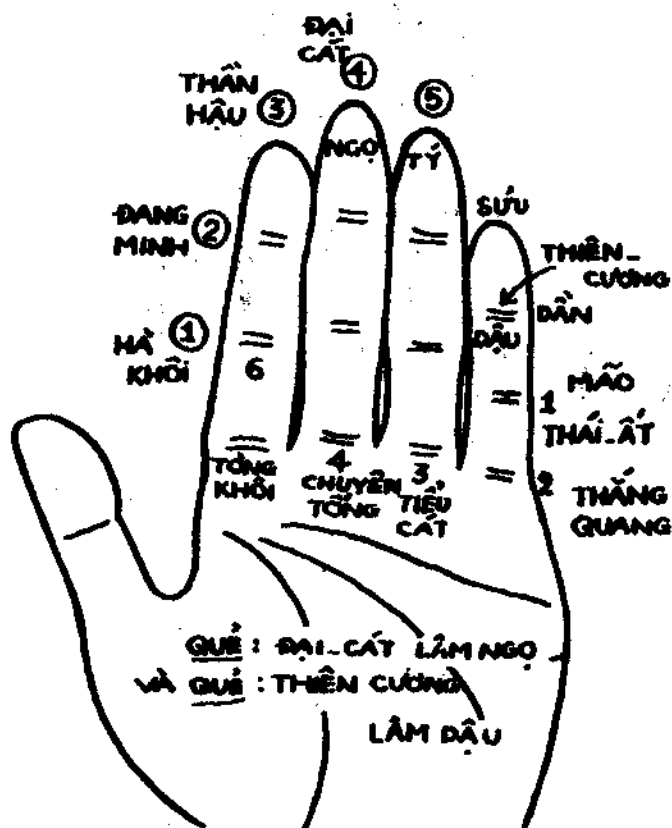
HÌNH SỐ 3

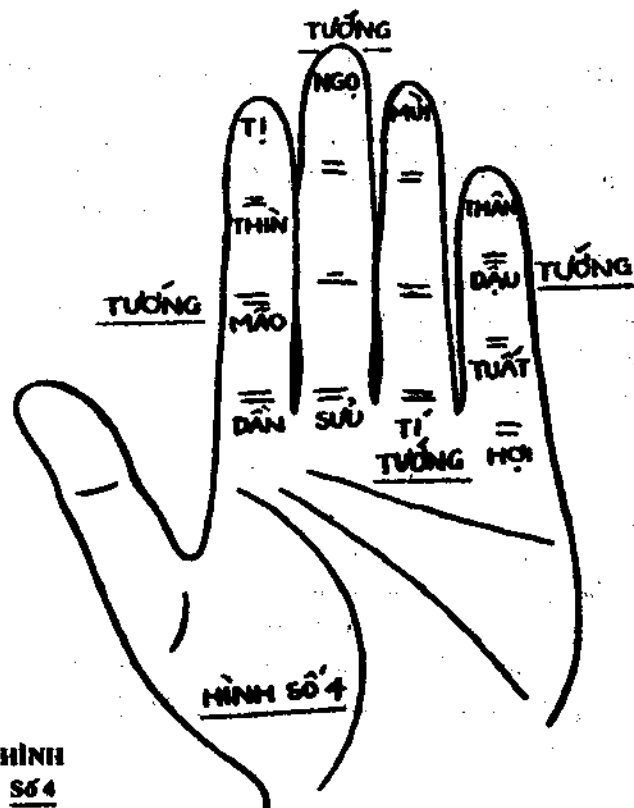
CHỮ SỐ (1) (2) (3)... CHỈ NGÀY

CHỮ SỐ 1.2.3... CHỈ THÁNG

CHÚ-Ý

TÝ. SỬU. DẦN ...CHỈ GIỜ





**HÌNH
Số 4**

Để biết rõ 4 cung Tý Ngọ Mão Dậu là tứ tượng

CHÚ Ý - lúc chia tay ra thì cứ tính thấy thần lâm tướng là thành quẻ

Nếu muốn xem mệnh, chọng, quý nữa, thì Thiên cương cư dậu tức là quẻ Quý.

Cứ mỗi lần xem được hai quẻ này là Đại cát lâm ngo, lại thiên cương cư dậu là quẻ quý nữa.

Thí dụ số 2

Tính một quẻ lấy tháng 7 ngày mùng 6, giờ thìn. Xem là quẻ gì, phép tính như sau :

Bài thơ trên đầu có câu : "Tam thất chư" (hội) nghĩa là cứ tháng

ba tháng 7 thì tính bắt đầu từ cung Hợi. Vậy phải khởi tháng giêng từ cung Hợi, đến tháng 7 thì vừa đến cung Tý. Trên tháng khởi ngày, lại tính mồng một chùng lên cung Tý ấy "tháng" đến mùng 6 là vừa đến cung Tuất. Trên ngày khởi giờ lại tính giờ Tý từ cung Tuất ấy (ngày) đến giờ Thìn là tới cung Dần, thoát nhất cung khởi Thiên-cương vậy Thiên-cương ở cung Sửu (tính thuận mỗi cung một sao) Thái-Át, Thăng-Quang. Tiểu-cát, chuyển-tống, tòng khởi, hà-khởi, đấng-minh, thần hậu, thế là thần lâm tướng rồi (thần hậu lâm đậu) xem bài đoán :

Quý thần hậu lâm đậu (1)

Phép tính : mệnh, chọng, quý.

Đấng-minh lâm tý, ngọ, mao, đậu là Quẻ mệnh

Thần hậu lâm tí, ngọ, mao, đậu là Quẻ chọng

Dại cát lâm tý, ngọ, mao, đậu là Quẻ quý.

Cứ tính một sao Thiên-cương cũng ra, mệnh, chọng, quý.

Thiên-cương ở cung dần, thân, tý, Hợi cũng là quẻ mệnh.

Thiên-cương ở cung thìn, tuất, Sửu, Mùi cũng là quẻ chọng

Thiên-cương ở tý, ngọ, mao, đậu, cũng là quẻ quý.

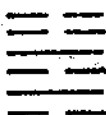
Tính âm dương

Tam thần lâm tý, ngọ là dương

Tam thần lâm mao, đậu là âm

Tam thần lâm tử-tướng thành quẻ

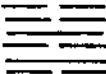
Đấng-minh (mộc lời) lâm tý (thủy) là quý kôi-

thủy-giải  thủy sinh mộc Đắc tướng sinh ngoại thịnh

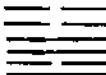
1) Nếu muốn xem mệnh, chọng quý nữa, thì xem thiên cương ở cung nào? Quẻ này thiên-cương ở cung Sửu, tức là quẻ "chọng" xem việc gì tìm quẻ đoán quẻ chọng.

(2) Tý hòa là chủ khách bằng nhau.

Đương minh Mộc
Đương-minh (mộc) lâm mao (mộc) là Quẻ Bát

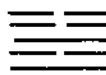
thuần-chấn  Tỵ hoà (1) lưỡng mộc, Bình-an

Đương-minh (mộc) lâm ngọ (hỏa) là Quẻ: Lôi

hỏa-Phong  mộc sinh hỏa. Đắc tương

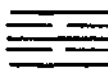
sinh nội thịnh.

Đương minh (mộc) lâm dậu (Kim) là Quẻ Lôi

trạch Quy-muội,  Kim khắc mộc, khắc xuất

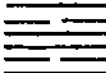
nội thịnh ngoại tù (2)

Thần-hậu (hỏa) lâm tỵ (thủy) là quẻ hỏa thủy

vị tế  Thủy khắc hỏa, Khắc xuất, nội thịnh ngoại tù.

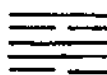
Thần hậu (hỏa) lâm mao (mộc) là Quẻ : hỏa

Thần-hậu (hỏa) lâm mao (mộc) là quẻ

hỏa-lôi phệ hạp  mộc sinh hỏa, Đắc tương

sinh, ngoại thịnh

Thần-hậu (hỏa) lâm ngọ (hỏa) là quẻ Bát

Thuần-ly,  tỵ hòa, bình an.

(2) tù là hãm.

Thần hậu (thần) lâm đầu (kim) là quẻ hỏa

trạch-khuê,



hỏa khác kim, ngoại thịnh, nội tu.

Đại-cát (kim) lâm thủy (thủy) là quẻ tỳ, chi-

đội-sinh,



kim sinh thủy, nội thịnh.

Đại-cát (kim) lâm hỏa (hỏa) là quẻ chạch-

ôi-tuyệt



kim khác mộc, khác nhập, ngoại thịnh.

Đại-Cát (kim) lâm ngũ (hỏa) là quẻ chạch-

hỏa-Chạch,



hỏa khác kim, khác xuất,

nội thịnh ngoại tu.

Đại-Cát (kim) lâm đầu (kim) là quẻ bát

thuần-Đoài.



Tỳ hòa, bình thường.

CHÚ Ý: Khi đoán quẻ, cần phải phân rõ chủ và khách.

4 Cung : Tý, Ngọ, Mão, Dậu, là tứ tượng, thuộc Chủ nội.

3 Vị sao : Đăng-minh, thần hậu, đại cát, là tam thần, thuộc khách ngoại, nói rõ hơn, cứ mỗi quẻ chính là 6 vạch, 3 vạch dưới là hạ-quái thuộc chủ nội, 3 vạch trên là thượng-quái thuộc chủ nội, 3 vạch trên là thượng-quái, thuộc khách ngoại.

Đại-khai: chủ khắc khách.

Khách khắc chủ thì xấu, khách sinh chủ chủ sinh khách thì chủ khách tỳ-hòa thì mọi việc hòa đồng bình an.

Các bài Đoán

của 12 quẻ

1/ Quẻ Đãng-minh lâm tỵ.

Đãng-minh lâm tỵ kéo đầu.

Nội thủy ngoại mộc, quẻ hầu tương sinh

Quẻ lõi-thủy-giải cực lạnh

Dại-dịch chưa rằng : ưu tán hỷ sinh.

Hán-vương, hạng-vũ giao tranh.

Thầy Viên-tổng-Thành thừa trước dộn cho.

Đoán rằng : hán được sở thua.

Quẻ hay nên chép vào bia sử xanh.

Cần sự được sự giai thành.

Khách du bất đảo, nhân hành bất quy.

Bệnh thời Bất-tử lo chi.

Cầu-quan tất đắc , thai thì nam sinh.

Dù là tính việc hôn-nhân.

Vợ chồng gia lão, thiên xuân tuổi già

THƠ RẰNG

Đãng-minh lâm tỵ vị.

Hành mộc nhờ hành thủy.

Thai nghén sinh con trai.

Muốn việc điều như ý.

2/ Quẻ Đãng-minh lâm mao.

Đãng-minh lâm mao lại bàn.

Trong ngoài lưỡng mộc, thiên ban tỵ hòa.

Lượn xem cho biết gần xa

Quẻ bát-thuần-chấn, chấn là động-kinh.

Hữu thanh vô tượng chỉ hình.
Lý-tính một mình, chơi bông-lai rơn.
Trình thầy hoàng-thạch dọn bàn.
Đoán rằng : phải dữ kẻ đàn bà.
Xem bệnh thời hẩn có tà.
Hành nhân chữa về, khách chẳng đến cho
Cầu tài ắt chẳng có tài.
Cầu quan ngăn trở, nói người chẳng tin.
Hồn nhân giá thú chẳng nên.
Vợ chồng bán thế, bỏ liền thân ly
Xuất hành thời chẳng nên đi
Vạn sự tiền trở, hậu thì mới hay.
Xem bệnh thời động lỗ-tiền.
Cầu chi tắc cát biến hung, vi tướng

Thơ rằng:

*Mão dậu gặp Đấng-minh.
Lương mộc thấy rành rành.
Cầu quan cùng giá thú
Muôn việc chẳng thông hanh.*

3/Quẻ Đấng-minh lâm ngộ.

Đấng-minh lâm ngộ tương sinh.
Nội hòa ngoại mộc, quẻ phong thừa này.
Phong giả thịnh giả cho hay.
Đến ông Hoàng-thạch trình thầy dọn xem
Đoán rằng : Quốc trị dân an.
Bàn dân thiên-hạ, được toàn khang ninh.
Cầu quan hẩn được hiển vinh
Cầu tài giá-thú sự dành hẩn nên.
Cầu sự vạn sự được yên.
Bệnh giả bất-tử, nhân hoàn bất quy.

Thơ rằng:

Cung ngọc gặp Đấng-minh.

Ấy là quẻ tương-sinh.

Trộm là dân bà hỏa.

Thai thời sinh trái lành.

Bệnh tật thời qua khỏi.

Cầu Quan có công-danh.

4/Quẻ Đấng-minh tâm diện.

Đấng-minh lâm-thị tương-sinh.

Quẻ là Quy muội Âm dương bất hòa.

Mặt giới mây âm soi qua.

Đoán rằng : Ất phải bất hòa phu thê.

Chẳng vậy thời phải loạn-ly.

Chồng Nam vợ Bắc phu thê biến rời.

Mặt gương lại vỡ lìa đôi.

Ba thu lại hợp duyên hải thất gia.

Xem bệnh thời bởi ôn hoàng.

Xem khách bất đáo, nhân hoàn bất quy.

Thơ rằng:

Nội kim ngọc một nguy.

Thai nghiêng sinh nữ nhi.

Xem bệnh ôn bình âm.

Mặt của dấu phương tây.

Cầu quan thời ngại trở.

Người đi mong chẳng về.

5/Quẻ thần hậu lâm tỷ

Thần hậu lâm tỷ đáng lo

Tim châu hải ngoại, sự do nãn thành

Xem thai thời nữ tử sinh

Đi thuyền thời kỵ, ất đành phong ba

Xem bệnh thời bởi ông bà
Cầu quan đặc lộc, tụng hòa mới hơn
Mất của thời tìm bác phương
Sự nhiên lại thấy chẳng còn hồ nghi
Tìm người thì người hầu về
Cầu khách thì khách đã hầu đến nơi
Cầu sinh thì khí nặng nề
Cầu tài quẻ này chẳng còn có lo:

Thơ rằng:

*Thần-hậu lâm tỷ cung
Thủy hỏa tương khắc sung
Thai nghén sinh con gái
Đi thủy ngại cơn phong
Mất của tìm phương bác
Kiện cáo hòa thì song
Cầu quan có tài lộc
Cầu việc khó sung lòng*

6/Quẻ thần hậu lâm mao

Thần hậu lâm mao kể ra
Nội mộc ngoại hỏa, ắt là tương sinh
Độn xem cho biết phân minh
Văn vương mộng kiến, giá thành tại chung
Cầu người thời người tin dùng
Chủ khách một lòng sự thực chẳng sai
Cầu tài thì hẳn có tài
Cầu quan đặc lộc, hôm mai sang giàu
Xem thi tên đỗ ở đầu
Thai sinh con gái, hôn cầu phải duyên
Có bệnh rồi lại được yên
Mất của thời tìm đồng bác chờ nghi

Thơ rằng:

*Thần hậu lâm mao cung
Là quẻ tương sinh song
Sở cầu được như ý
Mãi của thấy phượng đông
Mang thai sinh nữ tử
Kiện cáo hòa là cùng*

7/ Quẻ thần hậu lâm ngọ

Thần hậu lâm ngọ bát thuần
Nội hòa, ngoại hòa, tương nhân tỵ hòa
Độn ra quẻ bát thuần ly
Ly giả lệ giả bay lia động chung
Thửa xưa Quỷ cốc tiên ông
Độn cho Mãi thần quẻ ấy khôn thay
Thiếu niên còn khổ nhiều ngày
Vợ chàng chê bỏ đắng cay lòng phiền
Mai sau chàng đổ trạng nguyên
Thê thê, thiếp thiếp, về vang một nhà
Xem bệnh thời phải tinh ma
Cùng người chết cháy phương nam theo đòi
Hành nhân còn chờ chưa hồi
Nhược bằng cầu tài chẳng được bao nhiêu
Câu quan thời dở mọi điều
Thai sinh con gái tụng điều hòa hươu
Mất của phụ nữ thân lưu
Nam phương cất dấu có điều khôn ngoan

Thơ rằng:

*Thần-hậu lâm ngọ cung
Lưỡng hòa hòa tương nhân
Người cháy làm bệnh não
Câu tài chẳng có phần*

*Mất của bà già lấy
Đi theo phương nam tìm
Quan lộc thời ngắn trở
Thai sinh con gái chán*

8/-Quẻ thần hậu lâm dậu

*Thần hậu lâm dậu quẻ khuể
Khuể giả cách dã, di cư thời lành
Mãnh hổ mắc bẫy dã đàn
Đồng cư nhị nữ, chẳng rời hôm mai
Khoa danh ất có tên bài
Nhược bằng cầu tài, buôn bán chẳng cho
Tụng sự thời ất phải lo
Hành nhân ất đã bán đồ hồi gia
Bệnh thời cô đi cùng bà
Cầu quan có được sau đã ăn năn
mang thai thời sinh nữ nhân
Bận hiền chỉ tin tà dâm một lòng*

Thơ rằng:

*Thần hậu lâm dậu cung
Kim hỏa tương khắc sung
Bệnh tật cô đi ám
Quan tụng việc chẳng song
Tìm người, người chẳng thấy
Mất của bỏ là cùng*

9/Quẻ Đại-Cát lâm tý

*Đại-cát lâm tý tương sinh
Quẻ trạch-thủy-khốn chẳng lành nguy thay
Hà chung vô thủy bằng nay
Giữ mình thời này, bằng Quý bố (1) xoa
Trình thầy Quý-cốc độn cho*

1) Quý bố là tướng của Hạng-vu

Rằng người thừa tướng, trượng phu ai tầy
Thầy độn quyết đoán cho hay
Người phải đi đây khốn ách chẳng qua
Về sau mới được hồi gia
Tặng phong chức tước, vinh hoa đời đời
Hôn-nhân, giá-thú, cầu-tài
Trước đã sai khi sau mới được nên
Xem bệnh cô đi tổ-tiên
Cầu-quan trước trở, sau nên trọng quyền
Chủ khách được một lòng tin
Mất của thời tìm Đông Bắc chẳng ngoa.

Thơ rằng:

*Đại-cát lâm tỷ cung
Kim thủy tương sinh cùng
Cầu quan và các việc
Trước khó về sau song
Mất trộm nam nhân lấy
Nữ để đất phượng đông.*

10/Quẻ Đại-cát lâm mao

Đại -cát lâm mao hòa suy
Quẻ trạch-lôi-tuý, là quẻ thời sa
Quẻ ấy Tôn-tử thừa xưa
Trình thầy Quý-cốc độn cho được toàn
Đoán rằng: Quẻ ấy cầu quan
Vua phong chức trọng quyền sang hay là
Xem khách thì khách đến nhà
Xuất hành chờ ngại, thái hòa nữ lưu
Cầu tài kịp thấy chẳng lâu
Cầu hôn thời trở, ắt sau lại hòa
Xem bệnh xuân hạ thời qua

Thu thiên tất tử, ấy là thọ chung.
Mình còn hồn vía chẳng còn
Yêu quá giam hồn, Đại thụ sâm lăng
Mất của thời tìm phương đồng
Tụng sự hòa đồng, lý ấy ta thua.

Thơ rằng:

*Dại cát lâm mảo cung
Cầu tài ắt hẳn song
Mùa thu ốm thì chết
Xuân, hạ bệnh khỏi dần
Thai nghén sinh con gái
Mất của người báo thống
Kiện cáo hòa là quý
Đôi khách một lòng chung.*

11 Quê Đại-cát lâm ngọc.

Dại-cát lâm ngọc cho mình
Quê trạch hòa cách cựa canh tân tông
Bàn canh chi địa tại chuân
Tam niên đồ khổ, muôn dân khốn nàn
Đón thầy Quý-cốc người hàn:
Rời về đồ bạc dân an thái bình
Xem bệnh quê ấy được lành
Cổ di thức bá người dành xin ăn
Người về ắt đã hầu gần
Xem khách thời đến, ở mình được yên
Cầu hôn quê ấy cũng nên
Cầu quân ắt được, xem liền lại âu
Thất vật thời thiếu nữ thâu
Nam phương dấu điểm, chẳng hầu hồ nghi.

Thơ rằng:

Đại cát lâm cung ngộ
Ôm bởi cô di đó
Cầu tài cũng được tài
Kiện cáo thời thống lý
Mất của con gái thâu
Dấu ở phương nam nọ
Cầu khách khách đến chơi
Sinh gái chẳng còn nợ

12/Quẻ Đại cát lâm đầu

Đại-cát đương lâm đầu vị
Lương kim nội ngoại quẻ nay thuận đoài
Đoài giả duyệt giả cho hay
Giang hồ dưỡng vật sự thầy Đường tăng
Cùng Tôn hành đi lấy kinh
Tây phương lại phải yêu tình đón đường
Cầu quan quẻ ấy thường thường.
Cầu hôn bán thế, sau thường biến sai
Bán buôn quẻ ấy vô tài
Ra đi trở ngại, khách lai môn đình
Xem bệnh thời bởi yêu tình
Tan hôn thất phách ly thân đã đành
Mất của phụ nhân gian manh
Dấu phương tây bắc, thai sinh còn chầy

Thơ rằng;

Đại cát lâm đầu cung
Xem bệnh cô di cùng
Mùa thu thời không chết
Mất của đàn bà manh.
Cầu tài không được tốt
Cầu người cũng chẳng thành.

Các bài đoán

Của các quẻ về mệnh, chọng, quý

Lại xem một quẻ độn hình (1)
Thiên cương ra mệnh biết mình bình an
Chọng thời bán lộ nhi hoàn
Trốn đi chẳng khỏi người tìm thấy ta
Quý thời đã áp đến nhà
Chung quanh nó bắt ắt ta không rời

Lại xem một quẻ theo người
Kịp hay chẳng kịp xem chơi kéo ngờ
Mệnh thời theo kịp tức thời
Chọng thời bán lộ gặp nơi đưa đường
Quý thời dù ngựa thẳng cương
Theo chẳng kịp nó, biết phương nào tìm

Lại xem một quẻ thấy tin
Báo tin thất thực cho yên cả lòng
Mệnh thời lời nói hư không
Chọng thời ắt thực, quý không tin chuyễn

Lại xem một quẻ tìm thuyền
Thấy hay chẳng thấy ta liền biết tin
Mệnh thời còn đổ giang biên
Chọng thời nó đã đem thuyền khỏi xuôi
Quý thời gió thuận buồm xuôi
Ắt theo chẳng thấy đã dời bản hương

(1) Tránh nấp

Lại xem một quẻ lạc đường,
Ngã ba giao lại, biết phương kéo ngừ
Mệnh thời tá lộ thẳng đi
Chợng thời chính giữa quý thì hữu biên

Lại xem một quẻ kiến quan
Người lành hay dữ cho an tấm lòng
Mệnh trời là đáng anh hùng
Lòng còn nghi hoặc, tự tình ý ta
Trọng thời hoan hỷ hợp hòa
Quý thời mừng rỡ xướng ca chơi bời.

Lại xem một quẻ gặp người
Nẻo xa trông thấy quả người hiền chẳng
Mệnh thời quan lại nho tăng
Trọng thời dừng dấn, khách từng thường nhân
Quý thời đạo tặc bất thuần
Chẳng phải quán xá, ăn đường hoa ngân

Lại xem một quẻ cứu nhân
Mệnh thời oán hận, trọng thời ác mạnh
Quý thời ác dữ tương tranh,
Kháng kháng nó chưa đình ninh chẳng rời

Lại xem một quẻ tìm người
Cùng là hẹn lời cổ thực hay chẳng
Thiên cương gia mệnh bất bằng
Tìm người chẳng thấy, hẹn mình cũng sai
Trọng thời bán lộ bởi hời
Tìm người ắt thấy, hẹn lời chẳng ngon

Quý thời lời nói thực thà
Đã hẹn thời gặp đợi chờ có tin
Tìm người thời chẳng phải tìm
Tự nhiên lại thấy nhơn tiền đáng vui

Lại xem một quẻ cữu giao
Ta đến nhà nào, người có trọng không
Mệnh thời chủ khách tương phùng
Thấy nhau mừng mặt trong lòng chẳng yêu
Trọng thời hoan hỷ mừng nhiều
Mời anh xin hãy chơi bởi hân gia
Trà thang ngọc thực khuyến mời
Bằng hữu chỉ tin, muôn đời chẳng ngời
Quý thời chủ khách đãi hời
Đến nhà không mận người nào hỏi han

Lại xem một quẻ cầu quan
Đến nhà người có hỏi han chẳng nào
Mệnh thời ắt được quai sang
Song le lại dở, ấy hào vợ con
Trọng thời đến mặt thiên nhan
Cao quyền tiến chức, vinh quang đời đời
Thi thời hoàng bằng tên bầy
Vũ môn vượt khỏi bước ngay bệ rồng
Quý thời ắt chờ có mong
Càng ngày tổn của tổn công càng phiền

Lại xem một quẻ bình yên
Cửa nhà mọi vật vợ con trâu bò
Thiên-cương ra mệnh chẳng lo
Trọng thời hỷ sự, đoán cho mà mừng

Quý thời vật hại nhân vong
Ra đường thất đạo, thổ công vô bàn

Lại xem một quẻ bán buôn
Lãi chẳng cho biết, kẻ ngoan nhân tài
Mệnh thời buôn bán sinh sôi
Mua người cũng được nào người dăm sai
Chợ thời bán lãi buôn ngoài
Khách thương vui vẻ, bán buôn mừng lòng
Quý thời đi lại về không
Bán buôn chẳng được phiên lòng nên phai

Lại xem một quẻ cầu tài
Của ta của người đối được cùng chăng
Thiên cương ra mệnh người mừng
Trọng thời chủ khách cùng lòng đối chao
Quý thời trở chệ khôn cầu

Đôi bên đối chẳng được nhau lại đình
Lại xem tác sự nên chăng
Hay là trở chệ kéo lòng hồ nghi
Mệnh thời vị tất thành chi
Công dịch trọng thì mọi việc mọi nên
Quý thời trở chệ chuẩn chuyên
Lại dùng trăm sự, đã toàn lại thôi

Lại xem một quẻ mượn người
Ta thiếu gia tài, mượn người được chăng
Thiên-cương ra mệnh ất lành
Đến đây ta hỏi người rằng : có cho
Trọng thời mượn được chẳng lo
Quý thời người chẳng có cho trở về

Lại xem một quẻ đi chơi
Ta đến nhà người, người có nhà không
Mệnh thời ta đến liền mừng
Trọng thời tại lộ, đường xa đương về
Quý thời người chẳng có nhà
Át người còn giữ đường xa chưa về.

Lại xem có khách đến cùng
Thiên-cương ra mệnh đoán rằng hẳn không
Trọng thời bán lộ thung dung
Quý thời khách đã đứng trông đầu làng

Lại xem một quẻ người về
Hay là người ở hương quê cõi ngoài
Thiên-cương ra mệnh vi hoàn
Trọng thời bán lộ, quý toan nội ngày

Lại xem một quẻ chợ hàng
Ngủ nhà quán xa hàng cơm dư lạnh
Thiên-cương ra mệnh an bình
Trọng thời hoan hỷ, quý thành tả gian

Lại xem một quẻ ừ tai
Cát hung cho biết một hai lo lường
Mệnh thời ra sự hỷ tường
Trọng thời khách đến, quý thời thủ ngân

Lại xem nóng mặt quẻ này
Mệnh tai, trọng hỷ, Quý gây khách chơi

Lại xem một quẻ quái sà
Mệnh thời ất dữ, trọng đà dừng dừng
Quý thời có nội thần nhân
Cổ đi thúc bá xin ăn, thảo nào

Lại xem một quẻ chiêm bao
Mệnh thời tai nạn, ngộ lao mắc oan
Trọng thời hỉ sự hân hoan
Quý thời vạn sự, thiên ban cũng lành

Lại xem một quẻ thai sinh
Mệnh nam trọng nữ, quý danh tai hung
Lại xem một quẻ tử, sinh
Mệnh người cho biết, phân minh dữ lành
Mệnh thời thập tử nhất sinh
Trọng thời bệnh nhẹ bình bình lo chi,
Quý thời hôn xương âm ty
Mệnh còn dương thế ắt bề khôn toan

Lại xem một quẻ tai nạn
Mình lâm hay phải họa oan đến mình
Thiên Cường ra mệnh chính thân
Trọng thời bằng hữu, quý thuận sự oan

Lại xem một quẻ đạo dạn
Dù nam hay nữ mà hân kéo oan
Mệnh thời nam nữ cùng tham,
Trọng thời bằng hữu đã đem khơi nhà

Lại xem một quẻ chiêm bao
Mệnh thời tai nạn, ngộ nào mắc oan
Trọng thời hỉ sự hân hoan
Quý thời vạn sự, thiên ban cũng lành
Lại xem xem một quẻ thai sinh
Mệnh nam, trọng nữ, quý danh tài hùng

Lại xem một quẻ tử sinh
Mệnh người cho biết, phân minh dữ lành

Mệnh thời thập tử nhất sinh
Trọng thời bệnh nhẹ bình bình lo chi
Quý thời hôn xuống âm ty
Mệnh còn dương thế ắt bề khôn toan

Lại xem một quẻ tai nạn
Mình làm hay phải họa oan đến mình
Thiên Cương ra mệnh chính thân
Trọng thời bằng hữu quý thuận sự oan

Lại xem một quẻ đạo gian
Dù nam hay nữ mà hèn kéo oan
Mệnh thời nam nữ cùng tham
Trọng thời bằng hữu đã đem khỏi nhà
Quý thời phụ nữ dạn tà
Đạo thần tài vật đem ra bên ngoài

Lại xem một quẻ tâm tài
Của ta thất lạc ở nơi phương nào ?
Mệnh ta cũng chẳng xa nào
Trọng thời Dần Tuất kẻ bao nhúng là
Quý thời phụ nữ gian tà
Chưa đâu tìm đấy ắt là chẳng sai

Lại xem một quẻ hôn nhân
Mệnh thời ắt được ái ân duyên hải
Trọng thời khoan phượng sánh đôi
Quý thời lưỡng những hóm mai ngậm ngùi.

NÓI THÊM VỀ CÁCH

Tính Mệnh, Chong, Quý

Ba vị Đẳng-minh, thần-hậu, Đại-cát, là tam thần, và tức là thiên-cương biến hình ra, cho nên xem ba vị cùng biết mệnh, chong, quý, nhưng chỉ tính một vị sao thiên-cương cũng ra, mà lại dẫn dị hơn.

THÍ DỤ : có người nhờ xem một quẻ cữu-giao, định đến chơi với bạn cũ vào giờ ty ngày 14 tháng 7 thì tính như sau này :

CHÚ Y : Cách tính độn chỉ cần tháng ngày giờ thôi, chứ không cần năm.

Coi bài thơ trên đầu có câu "tam thất mao" vậy tháng 7 thì phải tính bắt đầu từ cung mao, khởi tháng giêng từ cung mao tính thuận đến tháng 7 là vừa đến cung dậu, trên tháng khởi ngày lại tính mồng một chong lên tháng 7. (Cung dậu) tính thuận đến ngày 14 là vừa đến cung tuất, lại trên ngày khởi giờ vậy phải tính giờ y từ cung tuất. Thuận đến giờ thìn thì vừa đến cung dần, thoát nhất cung khởi thiên-cương, tức là thiên-cương ở cung sửu.

Như vậy là Thiên-cương làm sửu là quẻ Trọng (Xem trang 48)

Tim quẻ cữu giao thấy câu đoán về quẻ trọng như sau :

Trọng thời hoan hỷ mừng nhiều
Mời anh xin hãy chơi bởi cho vui :
Cha thàng ngọc thực khuyên mời
Bằng hữu chỉ tin muốn đời chẳng người
Như vậy là xem được quẻ rất tốt.

Mục lục

	Trang
A - BÓI TIÊN	
1 - Cách tính quẻ	6
2 - Các bài đoán của 12 quẻ	11
B - BÓI DỊCH	
1 - Bài khấn của bói dịch	15
2 - Bài đoán của 9 quẻ bói	16
C - ĐỘN QUỲ CỐC	
1 - Phép tính của độm Quỷ cốc	21
2 - Các bài đoán của 12 quẻ	29
3 - Các bài đoán của 12 quẻ về Mệnh - Chọng - Quý	38
4 - Nói thêm về cách tính Mệnh - Chọng - Quý	45

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

G P. X B - Kiểm duyệt số 3975 ngày 4-11-1991

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

ĐÃ XUẤT BẢN :

1.- KHỔNG MINH TRIẾT-TỰ

Giấy cách xem bói triết tự. Cuốn ấy sẽ trả lời tất cả các điều mà các bạn thắc-mắc muốn hiểu.

2.- ĐỘN-ĐỐC THẦN-TOÁN

Gồm có Độn Quỷ-cốc, bói Dịch, bói Tiên.

SẴN XUẤT BẢN :

3.- ĐỘN MAI-HOÀ

Môn này không những xem được các việc của người đời, mà lại còn có thể xem được cả mưa nắng và các loài động-vật, thực-vật nữa.

4.- TỬ-VI THỰC HÀNH

Có nhiều tài-liệu bí-truyền trong nghề Tử-Vi, được khám phá để cống-hiến các độc-giả những ánh sáng về Tử-Vi đầu-học.

